## BÀI 5: INTERNET (1t)

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Biết Internet là gì

- Nêu được một số đặc điểm chính của Internet.

- Nêu được một số lợi ích chính của Internet.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực tin học:**

**NLd**: Sử dụng được một số phần mềm học tập; sử dụng được môi trường mạng máy tính để tìm kiếm, thu thập, cập nhật và lưu trữ thông tin phù hợp với mục tiêu học tập, chủ động khai thác các tài nguyên hỗ trợ tự học.

**b. Năng lực chung:**

\* Tự học và tự chủ:

- Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; không đồng tình với những hành vi sống dựa dẫm, ỷ lại.

- Vận dụng được một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học hoặc kinh nghiệm đã có để giải quyết vấn đề trong những tình huống mới.

\* Năng lực giao tiếp và hợp tác:

- Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ; biết xác định được những công việc có thể hoàn thành tốt nhất bằng hợp tác theo nhóm.

\* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:

- Xác định được và biết tìm hiểu các thông tin liên quan đến vấn đề; đề xuất được giải pháp giải quyết vấn đề.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Miệt mài, chú ý lắng nghe, đọc, làm bài tập, vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

- Trung thực: Sẵn sàng chia sẻ sản phẩm của mình cho các bạn góp ý, đánh giá.

- Trách nhiệm: Trách nhiệm của học sinh khi thực hiện hoạt động nhóm, báo cáo kết quả hoạt động nhóm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1.** **Thiết bị dạy học:**

* Máy tính, máy chiếu.

**2. Học liệu:**

* Giáo viên: Kế hoạch dạy học (nội dung dạy học, phiếu học tập).
* Học sinh: Học bài cũ, tìm hiểu nội dung bài mới,…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài thực hành.

**b. Nội dung:** HS đọc thông tin trong sgk, thực hiện yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu 2 HS đứng dậy, đóng vai An và Minh đọc đoạn mở đầu.*

*- GV nhận xét hai bạn đóng vai, đặt vấn đề:* Đoạn hội thoại trên đang giới thiệu với chúng ta về mạng internet. Vậy Internet là gì và nó có những đặc điểm và lợi ích gì, chúng ta cùng đến với **bài 5: Internet**

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 2.1: Internet**

**a. Mục tiêu:** Biết được Internet là gì.

**b. Nội dung:** Tìm hiểu nội dung trong sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV chia lớp thành các nhóm nhỏ (4 – 6) bạn, yêu cầu các nhóm trả lời câu hỏi vào bảng nhóm:  *+ Em hiểu Internet là gì?*  *+ Người sử dụng Internet có thể làm được gì khi truy cập Internet?*  **Bước 2:HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + Các nhóm tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi  + GV quan sát, hỗ trợ HS khi cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Nhóm trưởng trình bày kết quả.  + GV gọi HS khác đứng dậy nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, đưa ra các câu trả lời chính xác và khái quát.  **Nhiệm vụ 2:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV gọi HS đứng dậy đọc thông tin sgk và trả lời câu hỏi:  *+ Muốn truy cập Internet thì máu tính cần phải làm gì?*  *+ Em hãy nêu một số nhà cung cấp dịch vụ Internet?*  *+ Các dịch vụ thông tin phổ biến trên Internet là gì?*  - GV chốt kiến thức cần ghi nhớ trong hộp kiến thức.  - Tiếp đó, GV yêu cầu HS hoàn thành nhanh câu hỏi trang 21 sgk.  **Bước 2:HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + Các nhóm tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi  + GV quan sát, hỗ trợ HS khi cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Nhóm trưởng trình bày kết quả.  + GV gọi HS khác đứng dậy nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, đưa ra các câu trả lời chính xác và khái quát. | **1. Internet**  **NV1:**  - Internet là mạng máy tính toàn cầu kết nối các máy tính và các mạng máy tính.  - Khi truy cập internet, người sử dụng có thể tìm kiếm, trao đổi và chia sẻ thông tin (liên lạc với người khác qua điện thoại hoặc thư điện tử, học ngoại ngữ, xem tin tức, nghe nhạc, xem phim, chơi game...).  **NV2**:  - Máy tính cần có kết nối với Internet.  - Nhà cung cấp internet: FPT, VNPT, Viettel...  - Các dịch vụ thông tin phổ biến trên Internet: WWW, tìm kiếm thông tin, thư điện tử...  ***Trả lời câu hỏi:***  a. ...liên kết.... mạng....  b. ...chia sẻ.... thông tin....  c. .....dịch vụ.... |

**Hoạt động 2.2: Đặc điểm của Internet**

**a. Mục tiêu:** HS nêu được các đặc điểm chung của Internet: toàn cầu, tương tác, dễ tiếp cận, không chủ sở hữu, cập nhật...

**b. Nội dung:** Tìm hiểu nội dung trong sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV chia lớp thành 6 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận và trả lời: *Theo em Internet có những đặc điểm gì?*  - GV đánh giá bài làm của HS sau đó trình bày trước lớp các đặc điểm chính của Internet:  *+ Tính toàn cầu*  *+ Tính tương tác*  *+ Tính dễ tiếp cận*  *+ Tính không chủ sở hữu*  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi trang 21 sgk:  *+ Internet có những đặc điểm chính nào dưới đây?*  *+ Trong các đặc điểm của Internet, em thích đặc điểm nào nhất, vì sao?*  **Bước 2:HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + Các nhóm nhận yêu cầu của GV, tổ chức thảo luận, đưa ra kết quả.  + GV quan sát, nhận xét và hỗ trợ HS khi cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Đại diện các nhóm đứng dậy trình bày kết quả của nhóm.  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. | **2. Đặc điểm của Internet**  + Tính toàn cầu: Là mạng máy tính được hàng tỉ người sử dụng trên toàn cầu.  + Tính tương tác: người dùng có thể nhận và gửi thông tin.  + Tính dễ tiếp cận: Tốc độ truy cập cực nhanh, có thể thực hiện ở mọi lúc, mọi nơi.  + Tính không chủ sở hữu: là mạng máy tính toàn cầu, không thuộc cá nhân hay tổ chức nào sở hữu.  ***Trả lời câu hỏi:***  + Đặc điểm chính của Internet gồm đáp án: A, B, D, F  + hs trả lời theo cảm nhận, suy nghĩ của mình. |

**Hoạt động 2.3: Một số lợi ích của Internet**

**a. Mục tiêu:** HS nêu được các lợi ích của Internet, thấy được sức ảnh hưởng của Internet tới các hoạt động trong cuộc sống.

**b. Nội dung:** Tìm hiểu nội dung trong sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt vấn đề, nêu nội dung và yêu cầu của hoạt động này để các nhóm HS thực hiện nội dung thảo luận:  *+ Em thường dùng Internet để làm những việc gì?*  *+ Internet có những lợi ích gì?*  - GV cho HS đọc thông tin, chốt kiến thức trọng tâm và yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  + *Hãy chọn những việc mà em có thể làm với Internet?*  **Bước 2:HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + Các nhóm nhận yêu cầu của GV, thảo luận, đưa ra kết quả.  + GV quan sát, nhận xét và hỗ trợ HS khi cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Đại diện các nhóm đứng dậy trình bày kết quả của nhóm.  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. | **3. Một số lợi ích của Internet**  - Truy cập Internet để tìm tài liệu học tập, học ngoại ngữ, học trực tuyến, xem tin tức, tìm kiếm thông tin, trao đổi thư, nhắn tin với bạn bè thầy cô, giải trí, mua bán, đăng bài trên mạng xã hội...  - Internet là nguồn cung cấp thông tin khổng lồ cùng nhiều dịch vụ thông tin như: hệ thống các trang web (www), tìm kiếm, thư điện tử...  - Internet cung cấp môi trường làm việc từ xa giúp đào tạo, hội thảo, học tập, kinh doanh, tư vấn, kết nối mọi người vượt qua khoảng cách và mọi sự khác biệt,...  ***Trả lời câu hỏi***:  Những việc mà Internet có thể làm: a, b, d, e. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1 + 2 trong sgk:*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành thảo luận, đưa ra đáp án:*

**Câu 1.** Đáp án C.

**Câu 2.** Muốn máy tính kết nối được internet, người sử dụng cần đăng kí với một nhà cung cấp dịch vụ Internet để được hỗ trợ cài đặt và cấp quyền truy cập Internet.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**4. Hoạt động 4:Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1 + 2 phần vận dụng trang 22 sgk:*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành thảo luận, đưa ra đáp án:*

**Câu 1.** Internet là một kho học liệu vô tận. Mọi người đều có thể tra cứu tài liệu để học tập và nghiên cứu, chia sẻ và tìm kiếm thông tin, dạy và học trực tuyến, đào tạo từ xa... Internet mang lại rất nhiều lợi ích của các bạn Hs trong việc học tập, trau dồi kiến thức và nâng cao trình độ....

**Câu 2.** Internet là mạng máy tính toàn cầu, nhờ đó mà thông tin được trao đổi và truyển tải đi khắp nơi, mang lại nhiều lợi ích cho con người và cho sự phát triển của xã hội. Ngày nay, Internet có vai trò quan trọng ở rất nhiều lĩnh vực và góp phần thúc đẩy mối quan hệ về văn hóa, kinh tế, chính trị, xã hội trên toàn cầu. Các công ty về máy tính và phần mềm không ngừng nâng cấp, sáng tạo và dành các khoản đầu tư lớn để cho ra mắt các sản phẩm mới, các phiên bản tốt hơn. Các nhà mạng cũng ngày càng nâng cao chất lượng các dịch vụ để Internet được sử dụng phổ biến và hiệu quả hơn. Chính vì vậy mà Internet được sử dụng rộng rãi và ngày càng phát triển.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| Đánh giá thường xuyên | Phương pháp hỏi đáp | - Bài tập  - Phiếu học tập |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*